

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên dự toán mua sắm: Mua sắm hóa chất bổ sung cho xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang phục vụ công tác chuyên môn của Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang.

- Tên gói thầu: Mua sắm hóa chất bổ sung cho xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang phục vụ công tác chuyên môn của Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang.

- Chủ đầu tư: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tuyên Quang

- Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tuyên Quang. Địa chỉ: Số 44, đường Lê Duẩn, phường Minh Xuân, tỉnh Tuyên Quang

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi, trong nước, qua mạng.

- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn 01 túi hồ sơ

- Nguồn vốn: Nguồn thu dịch vụ sự nghiệp công.

- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý IV năm 2025

- Loại hợp đồng: Trọn gói

- Thời gian thực hiện gói thầu: 365 ngày.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

1.2.1. Yêu cầu chung:

- Yêu cầu nhà thầu mô tả thông số kỹ thuật của hàng hóa và các dịch vụ liên quan chứng minh hàng hóa do nhà thầu chào tuân thủ các thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn dưới đây hoặc có cấu hình tương đương. Bất kỳ thương hiệu, nhãn hiệu nào nếu có trong bảng yêu cầu kỹ thuật đều mang tính chất minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu. ***Nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có thông số kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ “tương đương” hoặc tốt hơn*** so với các yêu cầu cụ thể ở dưới và cung cấp tài liệu chứng minh sự đáp ứng tốt hơn của hàng hóa chào thầu so với yêu cầu của HSMT.

- Nội hàm tương đương được quy định trong yêu cầu kỹ thuật được hiểu là:

- (1) Được cơ quan có thẩm quyền chứng nhận tương đương tiêu chuẩn
- (2) Tương đương về chất lượng hình ảnh, độ chính xác màu sắc và góc nhìn.
- (3) Tương đương về tính chất cơ khí và thuộc tính vật lý của vật liệu.
- (4) Tương đương về tính năng cơ bản, độ tin cậy, phạm vi ứng dụng
- (5) Tương đương về công suất; hiệu suất, yêu cầu thông số đầu vào; danh mục, độ chính xác kết quả đầu ra.
- (6) Tương đương về giá trị đo; độ chính xác kết quả đo;
- (7) Tương đương về hàm lượng, nồng độ, tính chất
- (8) Các yếu tố tương đương khác (nếu có)

* **Lưu ý:** Nhà thầu trúng thầu **chịu trách nhiệm cung cấp thiết bị y tế để sử dụng hóa chất, vật tư xét nghiệm** đó theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 55 Luật đấu thầu số 22/2023/QH15.

- Nhà thầu phải có bảng đáp ứng về kỹ thuật của hàng hóa chào thầu theo các mẫu sau:

+ **Bảng đáp ứng tính pháp lý hàng hóa (file word/excel + bản ký đóng dấu, scan đính kèm E-HSDT):**

TT	Tên hàng hóa	Tên thương mại tham khảo (lưu ý tên hàng hóa theo Số lưu hành TTBYT)	Ký mã hiệu / Nhãn mác sản phẩm	Tên nhà sản xuất, Xuất xứ	Chủ sở hữu (nếu có)	Quy cách đóng gói của hàng hóa dự thầu	Phân loại thiết bị y tế theo Nghị định 98/2021/NĐ-CP	Số lưu hành của TTBYT hoặc GPNK (nếu có)	Giấy phép bán hàng (nếu có)	Tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE,... (Ghi rõ ngày hết hạn)	Thông tin kê khai giá (nếu có) / niêm yết giá (nếu có)	Tài liệu sản phẩm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Theo HSMT	Tên hàng hóa TTBYT là theo Số lưu hành TTBYT.	Theo hàng hóa thực tế	Theo hàng hóa thực tế	Theo hàng hóa thực tế	Theo hàng hóa thực tế	Nếu rõ hàng hóa được phân loại nào kèm theo số văn bản pháp lý như sau: - Số công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với thiết bị y tế thuộc loại A, B - Hoặc Số giấy chứng nhận đăng ký lưu hành đối với thiết bị y tế thuộc loại C, D	Theo hàng hóa thực tế (do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp)	Ghi rõ đầy đủ toàn bộ quá trình: Tên cụ thể Chủ sở hữu TTBYT -> Nhà phân phối (nếu có) -> Nhà thầu	Theo hàng hóa thực tế (Ghi rõ ngày hết hạn)	Đầy đủ 2 thông tin: Giá và Thời gian hết hiệu lực (nếu có)	- Catalog, Brochure, Hướng dẫn sử dụng, ... của nhà sản xuất. - Tài liệu chứng minh của bên thứ ba

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật của Hồ sơ mời thầu	Quy cách đóng gói (tham khảo) theo E-HSMT	Đáp ứng kỹ thuật của Hồ sơ dự thầu	Quy cách đóng gói của hàng hóa dự thầu	Tài liệu kỹ thuật tham chiếu trong E-HSDT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						không làm ảnh hưởng tới tính năng sử dụng của hàng hoá dự thầu) để Tổ chuyên gia xem xét đánh giá “Chấp nhận được”.
				Tiêu chí gây hạn chế nhà thầu (không được xem xét và đánh giá)		Tài liệu chứng minh yêu cầu kỹ thuật chỉ có duy nhất 01 nhà sản xuất đáp ứng

Nhà thầu cam kết những nội dung kê khai nêu trên là chính xác.

Trường hợp Nhà thầu cố tình kê khai thông tin / dịch tài liệu kỹ thuật không đúng với Thông số kỹ thuật mà Nhà sản xuất công bố nhằm vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật sẽ được coi là hành vi gian lận trong đấu thầu theo quy định tại Khoản 4 Điều 16 Luật Đấu thầu và Nhà thầu sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm, chấp nhận chịu xử lý theo quy định của E-HSMT và pháp luật về đấu thầu

1.2.2. Yêu cầu kỹ thuật chi tiết:

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu, đặc tính kỹ thuật (hoặc tương đương)	Quy cách đóng gói tối thiểu
1	Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng nguyên HBs	<ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp xét nghiệm: Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang “ECLIA” (electrochemiluminescence immunoassay “ECLIA”). Nguyên lý bắt cặp hoặc tương đương - Giới hạn phát hiện: Để xác định độ nhạy, nồng độ HBsAg tương ứng với tín hiệu đo giá trị ngưỡng được đọc từ đường chuẩn tạo nên từ các mẫu chuẩn HBsAg (ad và ay) được pha loãng trong huyết thanh người âm tính HBV. Độ nhạy của ngưỡng phản ứng $\leq 0,04$ U/mL (Các chuẩn của Viện Paul-Ehrlich, thể phụ ad và ay hoặc tương đương), $\leq 0,1$ IU/mL (chuẩn WHO số 00/588 hoặc tương đương) - Thời gian xét nghiệm (phút): 18 phút Độ nhạy: Độ nhạy lâm sàng - Độ nhạy đối với các mẫu chọn đã được khẳng định dương 	100 Test

		<p>tính với HBsAg ở các giai đoạn bệnh khác nhau: $\geq 99,9\%$.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ đặc hiệu: Độ đặc hiệu phân tích là 100% (giới hạn tin cậy dưới 95%, một bên: 99,81%). <p>Độ đặc hiệu lâm sàng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ đặc hiệu của xét nghiệm trong nhóm người hiến máu: độ đặc hiệu phản ứng ban đầu (IR) là $\geq 99,91\%$; độ đặc hiệu có phản ứng lặp lại (RR) là $\geq 99,98\%$. - Với nhóm mẫu thường quy hàng ngày (bệnh nhân nhập viện, bệnh nhân ngoại trú, bệnh nhân tiền phẫu thuật, nhân viên y tế và những người vô danh), độ đặc hiệu (IR và RR) là $\geq 99,88\%$. 	
2	Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng nguyên HBs	<ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp xét nghiệm: Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang "ECLIA" (electrochemiluminescence immunoassay "ECLIA"). Nguyên lý bắt cặp hoặc tương đương - Giới hạn phát hiện: Để xác định độ nhạy, nồng độ HBsAg tương ứng với tín hiệu đo giá trị ngưỡng được đọc từ đường chuẩn tạo nên từ các mẫu chuẩn HBsAg (ad và ay) được pha loãng trong huyết thanh người âm tính HBV. Độ nhạy của ngưỡng phản ứng $\leq 0,04$ U/mL (Các chuẩn của Viện Paul-Ehrlich, thể phụ ad và ay hoặc tương đương), $\leq 0,1$ IU/mL (chuẩn WHO số 00/588 hoặc tương đương) - Thời gian xét nghiệm (phút): 18 phút Độ nhạy: Độ nhạy lâm sàng - Độ nhạy đối với các mẫu chọn đã được khẳng định dương tính với HBsAg ở các giai đoạn bệnh khác nhau: $\geq 99,9\%$. - Độ đặc hiệu: Độ đặc hiệu phân tích là 100% (giới hạn tin cậy dưới 95%, một bên: 99,81%). <p>Độ đặc hiệu lâm sàng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ đặc hiệu của xét nghiệm trong nhóm người hiến máu: độ đặc hiệu phản ứng ban đầu (IR) là $\geq 99,91\%$; độ đặc hiệu có phản ứng lặp lại (RR) là $\geq 99,98\%$. - Với nhóm mẫu thường quy hàng ngày (bệnh nhân nhập viện, bệnh nhân ngoại trú, bệnh nhân tiền phẫu thuật, nhân viên y tế và những người vô danh), độ đặc hiệu (IR và RR) là $\geq 99,88\%$. 	200 Test
3	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định tính kháng nguyên HBs	<ul style="list-style-type: none"> - Độ đặc hiệu: NA - Chạy các mẫu chứng mỗi ngày song song với các mẫu bệnh phẩm, một lần với mỗi hộp thuốc thử và sau mỗi lần chuẩn. Khoảng cách giữa các lần chạy mẫu chứng và giá trị giới hạn tùy thuộc vào yêu cầu của đơn vị sử dụng 	16 x 1,3 mL
4	Thuốc thử xét nghiệm	<ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp xét nghiệm: Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang "ECLIA" (electrochemiluminescence 	100 Test

	<p>định tính kháng thể kháng HCV đóng gói 100 xét nghiệm</p>	<p>immunoassay “ECLIA”). Nguyên lý bắt cặp hoặc tương đương</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian xét nghiệm (phút): 18 phút - Độ nhạy: Độ nhạy chẩn đoán là 100 % (n=765). Giới hạn tin cậy dưới 95 % là 99,61 % hoặc tốt hơn. - Độ đặc hiệu: độ đặc hiệu của xét nghiệm $\geq 99,85$ % (RR). Giới hạn tin cậy 95 % (2 phía) là 99,73-99,93 % hoặc tốt hơn. Độ đặc hiệu chẩn đoán $\geq 99,66$ %. Giới hạn tin cậy 95 % (2 phía) là 99,41-99,82 % hoặc tốt hơn. 	
5	<p>Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng HCV đóng gói 200 xét nghiệm</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp xét nghiệm: Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang “ECLIA” (electrochemiluminescence immunoassay “ECLIA”). Nguyên lý bắt cặp hoặc tương đương - Thời gian xét nghiệm (phút): 18 phút - Độ nhạy: Độ nhạy chẩn đoán là 100 % (n=765). Giới hạn tin cậy dưới 95 % là 99,61 % hoặc tốt hơn. - Độ đặc hiệu của xét nghiệm trong nhóm người hiến máu: $\geq 99,85$ % (RR). Giới hạn tin cậy 95 % (2 phía) là 99,73-99,93 % hoặc tốt hơn. - Với nhóm mẫu thường quy hàng ngày (bệnh nhân nhập viện, bệnh nhân ngoại trú, bệnh nhân tiền phẫu thuật, nhân viên y tế và những người vô danh), chẩn đoán $\geq 99,66$ %. Giới hạn tin cậy 95 % (2 phía) là 99,41-99,82 % hoặc tốt hơn. 	200 Test
6	<p>Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định tính kháng thể kháng HCV</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chạy các mẫu chứng mỗi ngày song song với các mẫu bệnh phẩm, một lần với mỗi hộp thuốc thử và sau mỗi lần chuẩn. Khoảng cách giữa các lần chạy mẫu chứng và giá trị giới hạn tùy thuộc vào yêu cầu riêng của đơn vị sử dụng 	16 x 1,3 mL
7	<p>Thuốc thử, chất hiệu chuẩn xét nghiệm định tính kháng nguyên HIV-1 p24 và kháng thể kháng HIV-1, bao gồm nhóm O, và HIV-2</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp xét nghiệm: Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang “ECLIA” (electrochemiluminescence immunoassay “ECLIA”). Nguyên lý bắt cặp hoặc tương đương - Thời gian xét nghiệm (phút): 27 phút - Độ nhạy: Độ nhạy lâm sàng: 100% (n=1532 mẫu từ bệnh nhân nhiễm HIV ở các giai đoạn bệnh) khác nhau và bị nhiễm HIV-1 nhóm M, O và HIV-2. Giới hạn tin cậy dưới 95% là 99,76%) hoặc tốt hơn - Độ đặc hiệu: Độ đặc hiệu phân tích 99,92 % (n=1182 mẫu chứa các chất có tiềm năng gây nhiễu, giới hạn tin cậy dưới 95%: 99,53%) hoặc tốt hơn Độ đặc hiệu lâm sàng: 99,88% (n=7343 người hiến máu được lựa chọn ngẫu nhiên ở châu Âu và châu Á, giới hạn 	100 Test

		tin cậy dưới 95% là 99,77%); 99,81 % (n=4103 mẫu từ thường quy hàng ngày không được lựa chọn, bệnh nhân thâm phân máu và phụ nữ có thai, giới hạn tin cậy dưới 95% là 99,62%) hoặc tốt hơn	
8	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định tính kháng nguyên HIV-1 p24 và kháng thể kháng HIV-1 (bao gồm nhóm O) và HIV-2	<ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp xét nghiệm: NA - Thời gian xét nghiệm (phút): NA - Khoảng tham chiếu: NA - Độ nhạy: NA - Độ đặc hiệu: NA 	6 x 2 ml
9	Thuốc thử xét nghiệm định tính các kháng thể kháng Treponema pallidum trong huyết thanh và huyết tương người	<ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp xét nghiệm: Nguyên lý bắt cặp hoặc tương đương - Thời gian xét nghiệm (phút): 18 phút - Khoảng tham chiếu: + COI < 1.00: không phản ứng - Âm tính với kháng thể kháng TP, không cần xét nghiệm thêm + COI ≥ 1.00: có phản ứng - Tất cả các mẫu có phản ứng ban đầu phải được xét nghiệm lại hai lần bằng xét nghiệm phù hợp. ++ Một hoặc cả hai xét nghiệm lặp lại đều có COI ≥ 1.00: có phản ứng lặp lại - Phải được xác nhận theo thuật toán khẳng định được khuyến cáo. ++ Cả hai xét nghiệm lặp lại có COI < 1.00: không có phản ứng - Âm tính với kháng thể kháng TP - Độ nhạy: 100% (n=924) ở các giai đoạn: Giang mai nguyên phát, Giang mai thứ phát, Giang mai tiềm ẩn, Giang mai, giai đoạn chưa biết - Độ đặc hiệu: Độ đặc hiệu tổng thể ≥ 99,88% 	100 Test
10	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định tính kháng thể kháng Treponema pallidum	<p>Thuốc thử - dung dịch tham gia xét nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ PC SYPH1 hoặc tương đương: 2 chai, mỗi chai 2.0 mL huyết thanh chứng <p>Huyết thanh người, âm tính với kháng thể kháng Treponema pallidum; chất bảo quản.</p> <p>Giá trị đích cho chỉ số ngưỡng: khoảng 0.15</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ PC SYPH2 hoặc tương đương: 2 chai, mỗi chai 2.0 mL huyết thanh chứng 	4 x 2 mL

		Huyết thanh người, dương tính với kháng thể kháng <i>Treponema pallidum</i> ; chất bảo quản. Giá trị đích cho chỉ số ngưỡng: khoảng 5.00	
11	Dung dịch rửa điện cực xét nghiệm miễn dịch.	KOH 176 mmol/L (tương ứng với pH 13.2); chất tẩy ≤ 1 %.	6 x 380 ml
12	Dung dịch hệ thống dùng để phát tín hiệu điện hóa.	Đệm phosphate 300 mmol/L; tripropylamine 180 mmol/L; chất tẩy ≤ 0,1 %; chất bảo quản; pH 6.8	6 x 380 ml
13	Dung dịch phụ trợ cho vào thùng chứa nước cất, tăng cường hiệu quả rửa cho xét nghiệm miễn dịch	Polidocano: nồng độ % khối lượng/khối lượng từ 7% đến dưới 10%. 2-methyl-2H-isothiazol-3-one: nồng độ % khối lượng/khối lượng từ 0,5% đến dưới 1%	500 ml
14	Cup chứa mẫu dùng cho xét nghiệm miễn dịch	Cúp nhựa	60 x 60 cái
15	Típ hút mẫu dùng cho phép xét nghiệm miễn dịch	Típ nhựa	30 x 120 cái

1.3. Các yêu cầu khác

*** Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT các tài liệu sau đây:**

Đối với toàn bộ hàng hóa:

- Có Catalog hoặc tài liệu kỹ thuật khác của Nhà sản xuất có đầy đủ nội dung chứng minh các đặc tính, thông số kỹ thuật đối với các hàng hóa chào thầu (Nếu là ngôn ngữ nước ngoài phải có bản dịch sang tiếng Việt) có đầy đủ nội dung chứng minh thông số kỹ thuật đối với các hàng hóa tham dự thầu theo yêu cầu của E-HSMT và chịu trách nhiệm về nội dung và tính chính xác giữa bản gốc và bản dịch). Đồng

thời, nhà thầu **cần đánh dấu (Highlight) thông số cụ thể của hàng hóa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại E-HSMT trên cả tài liệu Tiếng Anh và Tiếng Việt.**

Đối với hàng hóa là Thiết bị y tế: Nộp thêm các tài liệu sau.

- Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485 hoặc CE hoặc FDA hoặc tương đương của nhà sản xuất còn hiệu lực với các mặt hàng tham dự.

- Số lưu hành còn hiệu lực bao gồm Số công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với Thiết bị y tế thuộc loại A, B do Sở Y tế cấp hoặc Số giấy chứng nhận đăng ký lưu hành đối với Thiết bị y tế thuộc loại C, D do Bộ Y tế cấp và Kết quả phân loại Thiết bị y tế theo quy định tại Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021, Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/03/2023 và Nghị định 04/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 của Chính phủ. Đối với trường hợp Số lưu hành hết hiệu lực, đề nghị Nhà thầu giải trình khả năng cung ứng hàng hóa.

Lưu ý:

- Trong trường hợp Nhà thầu chứng minh hàng hóa chào thầu không phải là Thiết bị y tế (*Thiết bị phòng thí nghiệm hoặc thiết bị thí nghiệm dùng trong y tế hoặc thiết bị phụ trợ dùng cho y tế*) thì Nhà thầu không cần nộp Số lưu hành và Kết quả phân loại Thiết bị y tế cho hàng hóa đó.

- Nhà thầu phải cam kết hàng hóa chào thầu đã được kê khai giá (Đối với hàng hóa bắt buộc kê khai giá theo quy định tại Thông tư số 29/2024/TT-BYT ngày 03/11/2024 của Bộ Y tế) hoặc niêm yết giá Thiết bị y tế theo Khoản 9 & 10, Điều 1, Nghị định 07/2023/NĐ-CP ngày 03/03/2023 và cam kết giá bán không cao hơn giá kê khai hoặc giá niêm yết theo Khoản 1, Điều 18, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/07/2024 & Điểm 7, Khoản 18, Điều 1, Nghị định 07/2023/NĐ-CP ngày 03/03/2023.

- Nhà thầu có cam kết tại thời điểm đối chiếu tài liệu hoặc hoàn thiện hợp đồng: Nhà thầu phải nộp các tài liệu chứng minh **khả năng cung ứng hàng hóa có nguồn gốc rõ ràng và hợp lệ**, nhằm đảm bảo đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật theo quy định về “Điều kiện ký kết hợp đồng” tại Khoản 2 Điều 66 Luật đấu thầu số 22/2023/QH15. Trường hợp Nhà thầu không thể cung cấp tài liệu chứng minh, Nhà thầu sẽ không đủ điều kiện xét trúng thầu theo hướng dẫn tại Khoản 19 Điều 140 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Đối với yêu cầu lắp đặt, giao hàng, tuổi thọ của hàng hóa:

1. Cam kết tất cả hàng hóa cung cấp mới 100%, chưa qua sử dụng, sản xuất năm 2025 trở đi, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, còn nguyên đai, nguyên kiện theo quy cách đóng gói của nhà sản xuất.

2. Tại bước đối chiếu tài liệu, đối với hàng hóa là hóa chất xét nghiệm, nhà thầu cung cấp hàng hóa để Bên mua tiến hành Xác nhận giá trị sử dụng của phương pháp trong Quản lý chất lượng xét nghiệm theo Quyết định số 2429/QĐ-BYT ngày 12/06/2017 của Bộ Y tế; trong trường hợp thử nghiệm hàng hóa thực tế không đáp ứng đúng tính năng kỹ thuật đã chào tại E-HSĐT và yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT thì được hiểu nhà thầu không đáp ứng đánh giá về kỹ thuật. Trong trường hợp nhà thầu không đồng ý cung cấp hàng hoá thử nghiệm tại bước đối chiếu tài liệu, hàng hoá cung cấp theo Hợp đồng sau khi Bên mua thử nghiệm không đáp ứng được Quyết định số 2429/QĐ-BYT ngày 12/06/2017 của Bộ Y tế, nhà thầu sẽ bị chấm dứt hợp đồng và Bên mua sẽ ra Quyết định xử lý vi phạm và đăng tải lên Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia.

Mục 2. Bản vẽ: Không có

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm: Việc kiểm tra, thử nghiệm các hàng hóa được yêu cầu sẽ được tổ chức tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tuyên Quang; Địa chỉ: Số 44, đường Lê Duẩn, phường Minh Xuân, tỉnh Tuyên Quang. Hàng hóa nhà thầu cung cấp trước khi được nghiệm thu sẽ được bên mời thầu kiểm. Bất cứ hàng hóa nào không đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của E-HSMT và E-HSĐT sẽ không được nghiệm thu.